

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÓA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2023/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.
2. Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Kim C và ông Huỳnh Văn C thành hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M 1 (nay là huyện M), tỉnh B, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian đầu đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông bà nhìn nhận không thể chung sống với nhau được nữa nên tự nguyện làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa ông bà không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc thuận tình ly hôn của ông C và bà C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Hiếu N, sinh ngày 20/10/2006, hiện tại con đang sống chung với ông C và bà C, sau ly hôn bà C được

tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị Kim C thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị Kim C trình bày không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị Kim C thuận tình ly hôn. Ông C và bà C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Bà C được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Hiếu N, sinh ngày 20/10/2006 (phù hợp với nguyện vọng của cháu N tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 11/8/2023), hiện tại cháu N đang sống chung với ông C và bà C, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị Kim C thống nhất tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nợ chung: ông C và bà C trình bày không có nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Huỳnh Văn C và bà Võ Thị Kim C tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại các biên lai thu số 0005277, 0005278 cùng ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên ông bà không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
 - VKSND huyện Mô Cày Bắc;
 - Chi cục THADS huyện M;
 - Các đương sự;
 - UBND xã T, huyện M 1
(Nay là huyện M), tỉnh B
- ; đăng ký kết hôn số 78, quyển số 01, ngày 16/8/2006;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Nhớ